

だい16か せいりせいとん

第16課 整理整頓

Dọn dẹp ngăn nắp

■^{もくひょう}目標■

自分の作業が終わったことを報告し、手伝いを申し出ることができる。

Có thể báo cáo công việc của mình đã xong và đề nghị giúp đỡ.

行動の目的を聞いて理解できる。

Có thể hỏi để hiểu được mục đích của hành động.

道具をどこに片づけるか、尋ねることができる。

Có thể hỏi cất dọn dụng cụ vào đâu.

整理整頓

Dọn dẹp ngăn nắp

■^{かいわ}会話I■

アリフさんと鈴木さんは作業を終えて、片づけをしています。

アリフ さぎょうだいの かたづけは おわりました。
作業台の 片づけは 終わりました。

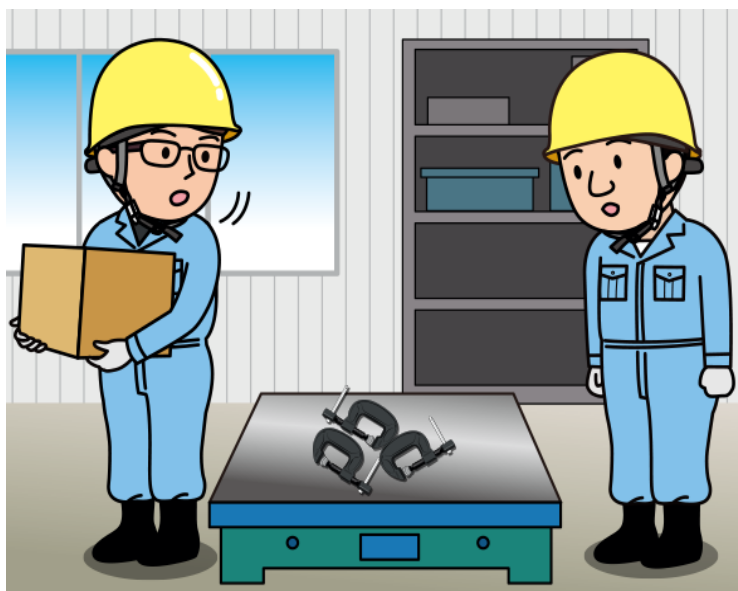
鈴木 そうか。
そうか。

アリフ あのう、なにか てつだいましょうか。
あのう、何か 手伝いましょうか。

鈴木 ありがとう。
ありがとう。

じゃ、ここに ある くらんぷを たなに もどして。
じゃ、ここに ある クランプを 棚に 戻して。

アリフ はい。わかりました。
はい。わかりました。



整理整頓

Dọn dẹp ngăn nắp

■ ^{かいわ}会話 I ■

Anh Arif và anh Suzuki đã xong việc và đang dọn dẹp.

Arif Tôi dọn xong bàn làm việc rồi.

Suzuki Vậy à?

Arif Có việc gì tôi giúp được không ạ?

Suzuki Cảm ơn cậu.

Vậy trả lại cái kẹp ở đây lên kệ lại giúp tôi.

Arif Vâng, tôi hiểu rồi.

整理整頓

Dọn dẹp ngăn nắp

■^{かわ}会話2■

アリフさんは溶接作業が終わり、組み立て作業に向かおうとしています。

鈴木 ありふさん、ちょっと いい？
アリフさん、ちょっと いい？

ようせつは もう おわったの？
溶接は もう 終わったの？

アリフ はい、おわりました。
はい、終わりました。

鈴木 けーぶるは そのままに しちゃ だめだよ。
ケーブルは そのままに しちゃ だめだよ。

だれかが ころばないように、ちゃんと まいて。
だれかが 転ばないように、ちゃんと 巻いて。

アリフ すみません。
すみません。

すぐ まいて、かたづけます。
すぐ 巻いて、片づけます。



整理整頓

Dọn dẹp ngăn nắp

■^{かいわ}会話2■

Anh Arif đã xong công việc hàn và định làm công việc lắp ráp.

Suzuki Arif, tôi nhờ chút!

Cậu hàn xong chưa?

Arif Vâng, xong rồi ạ.

Suzuki Không được để dây cáp nguyên như vậy đâu.

Phải cuộn lại đàng hoàng để người khác không bị vấp ngã.

Arif Tôi xin lỗi.

Tôi cuộn lại và dọn ngay đây.

整理整頓

Dọn dẹp ngăn nắp

■^{かいわ}会話3■

アリフさんと鈴木さんは作業を終えて、片づけをしています。

つぎに つかう ひとが すぐ つかえるように、どうぐを かたづけよう。

鈴木 次に 使う 人が すぐ 使えるように、道具を 片づけよう。

はい。

アリフ はい。

はんまと すけーるは こうぐかけに かけます。

ハンマと スケールは 工具掛けに 掛けます。

そうそう。

鈴木 そうそう。

ぐらいいんだーは どこに おきますか。

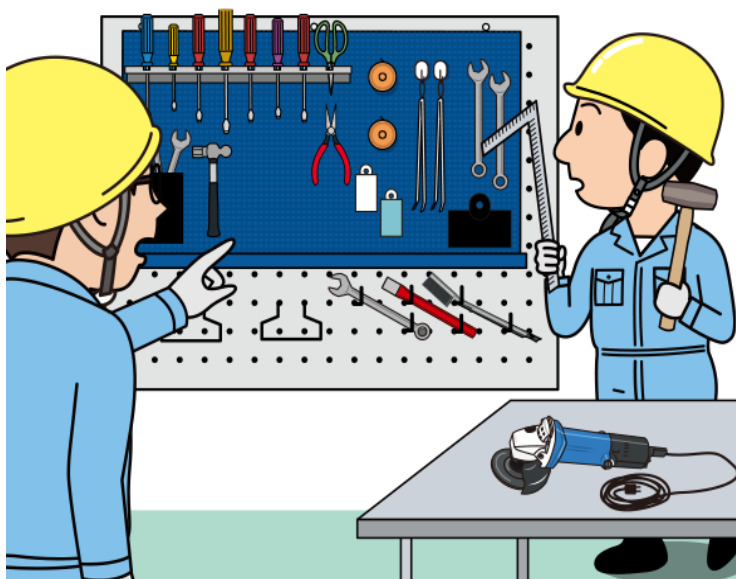
アリフ グラインダーは どこに 置きますか。

ぐらいいんだーは こうぐかけの いちばん した。

鈴木 グラインダーは 工具掛けの いちばん 下。

いちばん した… わかりました。

アリフ いちばん 下… わかりました。



整理整頓

Dọn dẹp ngăn nắp

■^{かいわ}会話3■

Anh Arif và anh Suzuki đã xong việc và đang dọn dẹp.

Suzuki Hãy dọn dẹp dụng cụ để người sử dụng tiếp theo có cái dùng ngay.

Arif Vâng.

Tôi sẽ treo búa và thước đo vào chỗ treo dụng cụ.

Suzuki Đúng rồi.

Arif Máy mài để đâu ạ?

Suzuki Máy mài thì để dưới cùng chỗ treo dụng cụ.

Arif Dưới cùng ạ... Tôi hiểu rồi.

整理整頓

Dọn dẹp ngăn nắp

■ ことば ■

	ことば	読み
1	作業台	さぎょうだい
2	片づけ	かたづけ
3	手伝う	てつだう
4	クランプ	くらんぷ
5	戻す	もどす
6	ケーブル	けーぶる
7	そのままにする	そのままにする
8	転ぶ	ころぶ
9	巻く	まく
10	片づける	かたづける
11	道具	どうぐ
12	ハンマ	はんま
13	スケール	すけーる
14	工具掛け	こうぐかけ
15	掛ける	かける
16	グラインダー	ぐらいんダー
17	定盤	じょうばん
18	周り	まわり
19	掃除（する）	そうじ（する）
20	鋼材	こうざい
21	運ぶ	はこぶ
22	溶接棒	ようせつぼう
23	欠陥	けっかん
24	けがをする	けがをする
25	安全帯	あんぜんたい
26		
27		
28		
29		
30		

整理整頓

Dọn dẹp ngăn nắp

■ ことば ■

	意味 ^{いみ}
1	Bàn làm việc
2	Dọn dẹp
3	Giúp đỡ
4	Cái kệ
5	Trả lại
6	Dây cáp
7	Đề nguyên như thế
8	Đổ, ngã
9	Cuốn, cuộn
10	Dọn dẹp
11	Dụng cụ
12	Búa
13	Thước đo
14	Đồ treo dụng cụ
15	Treo
16	Máy mài
17	Bàn nguội
18	Xung quanh
19	Quét dọn
20	Vật liệu thép
21	Khiêng
22	Que hàn
23	Lỗi
24	Bị thương
25	Đại an toàn
26	
27	
28	
29	
30	

■ 応用練習 ■
おうようれんしゅう

④⑤にあなたが使う文を書きましょう。

しどういん
指導員にチェックしてもらいましょう。

★ ～ましょうか

あのう、なにか てつだいしましょうか。

あのう、何か 手伝いましょうか。

じょうばんの まわりを そうじしましょうか。

① 定盤の 周りを 掃除しましょうか。

いっしょに こうざいを はこびましょうか。

② 一緒に 鋼材を 運びましょうか。

ようせつぼうを もって きましょうか。

③ 溶接棒を 持って 来ましょうか。

④

⑤

★ ～ように、…

だれかが ころばないように、ちゃんと まいて。

だれかが 転ばないように、ちゃんと 巻いて。

けっかんが できないように、こうざいを きれいに します。

① 欠陥が できないように、鋼材を きれいに します。

けがを しないように、あんぜんたいを つけます。

② けがを しないように、安全帯を つけます。

つぎに つかう ひとが すぐ つかえるように、どうぐを かたづけます。

③ 次に 使う 人が すぐ 使えるように、道具を 片づけます。

④

⑤

Hãy viết câu mà bạn dùng vào (4)(5).

Hãy nhờ người hướng dẫn kiểm tra.

★ ~ましょうか

Có việc gì tôi giúp được không ạ?

① Tôi làm vệ sinh xung quanh bàn nguội nhé.

② Tôi khiêng vật liệu thép chung nhé.

③ Tôi mang que hàn đến nhé.

④

⑤

★ ~ように、...

Phải cuộn lại đàn簧 để người khác không bị vấp ngã.

① Tôi sẽ làm sạch vật liệu thép để không có lỗi.

② Tôi sẽ mang đai an toàn để không bị thương.

③ Tôi sẽ dọn dẹp dụng cụ để người sử dụng tiếp theo có cái dùng ngay.

④

⑤

わたしの かいわ

モデル^{かいわ}会話を^{さんこう}参考にして、^{かいわ}会話を^か書きましょう。

^{しどういん}指導員にチェックしてもらいましょう。

Hãy tham khảo đoạn hội thoại mẫu và viết hội thoại.

Hãy nhờ người hướng dẫn kiểm tra.